

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66/2008/TT-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2008

THÔNG TƯ

sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2000/TT-BTC ngày 23/10/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 19/2000/NĐ-CP ngày 08/6/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất

Căn cứ Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất năm 1994;

dụng đất giữa cha, mẹ với con dâu, con rể;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất năm 1999;

Thực hiện Công văn số 2995/VPCP-KTTH ngày 13/5/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc thuế chuyển quyền sử dụng đất giữa cha, mẹ với con dâu, con rể;

Căn cứ Nghị định số 19/2000/NĐ-CP ngày 08/6/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất;

Bộ Tài chính hướng dẫn trường hợp chuyển quyền sử dụng đất giữa cha, mẹ và con dâu, con rể không phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất như sau:

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Công văn số 114/UBTVQH12 ngày 05/5/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội cho ý kiến về việc xác định thuế trong trường hợp chuyển quyền sử

1. Bổ sung tiết 3.8 vào điểm 3 Mục I Thông tư số 104/2000/TT-BTC ngày 23/10/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 19/2000/NĐ-CP ngày 08/6/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất như sau:

“3.8 Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất giữa cha, mẹ và con dâu, con rể không phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất thực hiện như sau:

a) Trường hợp văn bản chuyển nhượng, tặng, cho quyền sử dụng đất giữa cha, mẹ với con dâu, con rể được lập từ ngày 05/5/2008 trở đi thì không phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất (kể cả chuyển quyền sử dụng đất giữa cha, mẹ với con dâu, con rể theo pháp luật về thừa kế).

Trường hợp văn bản chuyển nhượng, tặng, cho quyền sử dụng đất giữa cha, mẹ với con dâu, con rể được lập trước ngày 05/5/2008, nhưng đến ngày 05/5/2008 trở đi mới nộp hồ sơ kê khai thuế, nếu vẫn trong thời hạn kê khai thuế theo quy định tại khoản 3, Điều 32 Luật quản lý thuế thì không phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Thời hạn kê khai thuế là 10 ngày, tính từ ngày lập xong văn bản chuyển nhượng, tặng, cho quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai, đến ngày nộp hồ sơ kê khai cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hướng dẫn tại điểm 5.1, Mục VIII Phần B Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.

Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất giữa cha, mẹ với con dâu, con rể trước ngày 05/5/2008, mà người đang sử dụng đất thuộc diện hộ nghèo, gặp khó khăn về kinh tế còn được phép ghi nợ tiền thuế chuyển quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm 2g, Mục VII Thông tư số 104/2000/TT-BTC ngày 23/10/2000 của Bộ Tài chính về thuế chuyển quyền sử dụng đất thì không phải nộp số thuế còn nợ.

b) Hồ sơ để xác định chuyển quyền sử dụng đất giữa bố, mẹ với con dâu, con rể bao gồm:

- Văn bản chuyển nhượng, tặng, cho quyền sử dụng đất được lập theo quy định tại Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai.

- Người chuyển quyền sử dụng đất phải có bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh có quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và bản sao có chứng thực giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu thể hiện quan hệ huyết thống giữa cha, mẹ với con để thành hôn với con dâu, con rể.

- Bản sao Giấy đăng ký kết hôn hợp pháp chứng minh con dâu, con rể đang trong thời kỳ hôn nhân (chưa ly hôn), có

chứng thực của UBND cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu của gia đình con dâu, con rể.

- Chứng từ ghi nợ thuế chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp (đối với trường hợp được ghi nợ thuế theo quy định).

c) Các trường hợp không phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất theo hướng dẫn tại Thông tư này, nhưng đã nộp thuế vào ngân sách nhà nước từ ngày 05/5/2008 thì được xem xét hoàn trả lại số tiền thuế đã nộp theo quy định hiện hành. Hồ sơ đề nghị hoàn trả lại số tiền thuế chuyển quyền sử dụng đất đã nộp được gửi đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế để được xem xét làm thủ tục hoàn trả theo quy định của Luật quản lý thuế và văn bản hướng dẫn. Hồ sơ đề nghị hoàn trả thuế chuyển quyền sử dụng đất bao gồm:

- Đơn đề nghị hoàn thuế, ghi rõ lý do, số thuế đề nghị hoàn trả;

- Các giấy tờ chứng minh thuộc diện không phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất hướng dẫn tại điểm b nêu trên;

- Chứng từ nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước.

d) Trường hợp cha, mẹ, con dâu, con rể nhận quyền sử dụng đất thuộc diện phải kê khai nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất thay cho người chuyển nhượng trước đó chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với nhà nước thì không thuộc diện không phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất theo hướng dẫn tại Thông tư này.”

2. Hiệu lực thi hành:

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo cho đến khi Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất hết hiệu lực (01/01/2009).

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để được hướng dẫn thực hiện./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn